

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NHA TRANG  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **143/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày 08 tháng 9 năm 2022  
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Nguyên Châu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Võ Thị Bời.  
2. Ông Nguyễn Văn Bạ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Võ Thu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:** Bà Lê Ánh Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 617/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971.

HKTT: Thôn S 3, xã Vĩnh L1, thành phố N, tỉnh Khánh H.

Địa chỉ hiện nay: Thôn Ngọc D, xã Ninh I, huyện Ninh H, tỉnh Khánh H (có đơn xin vắng mặt).

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1972.

HKTT: Thôn S 3, xã Vĩnh L1, thành phố N, tỉnh Khánh H (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn K tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L1, thành phố N, tỉnh Khánh H và được cấp Giấy chứng nhận

kết hôn số 46/2007, quyền số 01/2007 ngày 03/5/2007. Trong quá trình chung sống, cả hai có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông K thường xuyên say xỉn, đánh đập nhưng bà vẫn nhẫn nhịn, khuyên nhủ. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

Bà và ông K có ba con chung là: Nguyễn Đình R, sinh ngày 21/11/1990; Nguyễn Thị T, sinh ngày 09/6/1992 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 06/9/1995. Cả ba đều đã trưởng thành, có sức khỏe và trí tuệ bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do; do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai về vụ án.*

*Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Tòa án nhân dân thành phố N thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung, hiện nay ba con chung của bà L và ông K đều đã trưởng thành, có sức khỏe và trí tuệ bình thường, bà L không có yêu cầu gì nên không xét. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn K. Ông K có hộ khẩu thường trú tại Thôn S 3, xã Vĩnh L1, thành phố N, tỉnh Khánh H nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh H theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ

hiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn K đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L1, thành phố Nha Trang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2007, quyển số 01/2007 ngày 03/5/2007 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Căn cứ theo lời khai của bà Nguyễn Thị L cho rằng trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không hạnh phúc vì có nhiều mâu thuẫn, ông K thường xuyên say xỉn và đánh đập bà. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L ông K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L là chính đáng, có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung:

Bà L và ông K có ba con chung là Nguyễn Đình R, sinh ngày 21/11/1990; Nguyễn Thị T, sinh ngày 09/6/1992 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 06/9/1995. Cả ba đều đã trưởng thành, có sức khỏe và trí tuệ bình thường; bà L không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

**2.** Về con chung: Ba con chung là Nguyễn Đình R, sinh ngày 21/11/1990; Nguyễn Thị T, sinh ngày 09/6/1992 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 06/9/1995 đều đã trưởng thành, có sức khỏe và trí tuệ bình thường. Bà Nguyễn Thị L không có

yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Bà Nguyễn Thị L xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không xét.

**4. Về án phí:** Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000290 ngày 13/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Khánh H. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh H xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Nha Trang;
- Chi cục THADS thành phố Nha Trang;
- UBND xã Vĩnh L1;
- (GCNKH số 46/2007, quyền số 01/2007 ngày 03/5/2007);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Nguyên Châu**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
  - VKSND tỉnh Khánh Hòa;
  - VKSND thành phố Nha Trang;
  - Chi cục THADS thành phố Nha Trang;
  - UBND xã Vĩnh L1;
- (GCNKH số 46/2007, quyền số 01/2007 ngày 03/5/2007);
- Các đương sự;
  - Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Nguyên Châu**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**